

Số: **NO-DHĐCĐ**

Hải Phòng, ngày.....Tháng.....năm 2022



DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thương mại - dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty cổ phần thương mại - dịch vụ - vận tải xi măng Hải Phòng ngày.....tháng.....năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và Kế hoạch SXKD năm 2022 của Ban Giám đốc vớicổ phần tán thành, tương đương % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, với một số chỉ tiêu chính như sau:

1.1. Kết quả kinh doanh năm 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH Năm 2021	TH Năm 2021	Tỷ lệ % TH cả năm so	
					KH năm	Cùng kỳ
1	Tổng sản lượng	Tấn	1.354.000	952.464	70,34	70,65
	SL luân chuyển	Tấn.km	46.130.348	54.741.359	118,60	125,70
1.1	KD Xi măng	Tấn	37.200	32.107	86,31	68,90
1.2	Vận tải bộ	Tấn	596.500	449.791	75,41	78,30
1.3	Bốc xúc	Tấn	480.000	235.762	49,12	50,70
1.4	Vận tải thùy	Tấn	123.900	96.598	78,00	64,00
1.5	Vận tải biển	Tấn	116.400	138.206	118,73	124,90
1.6	Xe ka	Chuyến	3.840	4.530	118,00	116,16
2	Tổng D.thu	Tỷ đồng	80,688	74,363	92,16	80,13
3	LNTT	Tỷ đồng	1,000	0,864	86,40	94,00
4	LNST	Tỷ đồng	0,776	0,697	89,82	91,71
5	Nộp NS	Tỷ đồng	3,500	2,913	83,23	71,90
6	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	10,900	9,000	82,60	85,64

1.2 Dự kiến Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch (VICEM phê duyệt / thỏa thuận)
1	Tổng sản lượng	Tấn	1.054.500
	SL luân chuyển	Tấn.km	85.786.584
1.1	Kinh doanh xi măng	Tấn	35.000
1.2	Vận tải bộ	Tấn	490.000
1.3	Bốc xúc	Tấn	264.000
1.4	Xe Ca	Chuyển	3.640
1.5	Vận tải thủy	Tấn	114.900
1.6	Vận tải biển	Tấn	150.600
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	84,410
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,864
4	Nộp Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	2,800
5	Dự kiến trả cổ tức	%	2
6	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	9,200

N:02005
 CÔNG
 CỐ PH
 HƯƠNG MAI
 VẬN TẢI X
 HẢI PHI
 BẢNG T.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán theo nội dung Tờ trình số/TTr-HĐQT với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, trong đó lược trích từ tờ trình như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng tài sản	Đồng	44.040.592.868
2	Nợ phải trả	Đồng	3.148.389.960
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	40.892.202.908
4	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	20.163.850.000
5	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	74.363.106.219
6	Tổng chi phí	Đồng	73.499.138.069
7	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	863.968.150
8	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	697.464.698
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	346

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 theo nội dung Tờ trình số/TTr-HĐQT với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, trong đó lược trích từ tờ trình như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
I	Vốn điều lệ	Đồng	20.163.850.000
II	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	Đồng	
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2021	Đồng	863.968.150
2	Thuế TNDN phải nộp năm 2021	Đồng	166.503.452
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	Đồng	697.464.698
	Tổng lợi nhuận phân phối năm 2021	Đồng	697.464.698
4	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền (tỷ lệ 1% x VĐL)	Đồng	201.638.500
5	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	495.826.198
III	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Đồng	0



Điều 6. Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và Kế hoạch thù lao 2022 theo nội dung Tờ trình số/TTr-HĐQT với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 là Công ty TNHH kiểm toán An Việt theo nội dung Tờ trình số/TTr-BKS với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 8. Thông qua việc bầu cử thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 theo tờ trình số/TTr-HĐQT với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 9. Chuẩn thuận kết quả bầu cử thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

STT	Họ và tên	Số quyền được bầu	Tỷ lệ so với tổng số CP tham dự đại hội (%)
1

Điều 10. Thông qua Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần thương mại - Dịch vụ - Vận tải xi măng Hải Phòng nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần thương mại - dịch vụ - vận tải xi măng Hải Phòng có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần thương mại - Dịch vụ - Vận tải xi măng Hải Phòng.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT TP Hà Nội (B/cáo);
- HĐQT, TGD Tổng Cty XMVN (B/cáo);
- Thành viên HĐQT, BKS Công ty (T/hiện);
- Ban Giám đốc Công ty (T/hiện);
- Công bố TT trên Website Cty (thay cho T/báo);
- Lưu: Văn thư.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Mai Hồng Hải

